

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 5 - 2023

V/v Ly hôn giữa chị H - anh H

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hoàn;

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị H, sinh năm 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình;

Nơi ở hiện nay: thôn S, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hùng tự nguyện tìm hiểu kết hôn ngày 17/01/2003 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị làm ruộng, chung sống tại địa phương. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H gia trưởng và do gia đình nhà anh H xúi giục nên anh Hùng mắng chửi

chị. Vì con nên chị cố chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Đến đầu tháng 12 năm 2022 vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn S, xã Bình Định ở từ đó đến nay. Hiện nay chị H nhận thấy chị và anh Hùng không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Bùi Văn H.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Bùi Xuân H, sinh ngày 06/12/2003 và Bùi Minh H, sinh ngày 20/10/2011. Con chung Bùi Xuân H hiện đã trưởng thành, đang thực hiện nghĩa vụ quân sự. Con chung Bùi Minh H đang sống cùng anh H và học tại trường Trung học cơ sở xã Bình Định. Cháu H đã trên 10 tuổi cháu ở với ai là quyền của cháu, nếu chị được nuôi con H thì chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản: chị H xác định vợ chồng chị có tài sản chung là nhà xây dựng trên đất của bố mẹ chồng; không có nợ chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung giữa chị và anh Hùng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn H trình bày:

Anh đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng do công việc bận mãi nên anh không đến Tòa án làm việc được.

Anh và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2003 tại UBND xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại thôn T, xã B, quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì lớn. Đến tháng 12/2022, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn S, xã B sinh sống từ đó đến nay. Sau khi chị Hằng bỏ đi, anh cũng tìm gọi chị H nhiều lần nhưng chị H không về. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh và chị H có 02 con chung là Bùi Xuân H, sinh ngày 06/12/2003 và Bùi Minh H, sinh ngày 20/10/2011. Cháu Huyền đã trưởng thành còn cháu H đang học lớp 6. Nếu ly hôn đặt ra giải quyết, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị H góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Hiện anh đang làm thợ xây, thu nhập trung bình là 8.000.000 - 9.000.000 đồng/tháng.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, nợ chung giữa anh và chị Hằng.

Biên bản xác minh ngày 14/02/2023 tại UBND xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có nội dung:

Chị Lê Thị H, sinh năm 1984 và anh Bùi Văn H, sinh năm 1980 tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã B vào ngày 17/01/2003. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chung sống tại thôn T, xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống không phát sinh mâu thuẫn gì lớn để địa phương, cơ sở thôn phải can thiệp, không biết vì lý do gì mà tháng 12/2022 chị Hằng bỏ về nhà bố mẹ để ở thôn S, xã B sinh sống từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng chị H anh H có 02 con chung là Bùi Xuân H, sinh ngày 06/12/2003 đã trưởng thành và Bùi Minh H, sinh ngày 20/10/2011. Nếu ly hôn đặt ra giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; về nợ chung: vợ chồng chị H anh H không vay nợ tổ chức đoàn hội nào trong xã.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội đề nghị:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H.
- Về con chung: Giao con chung Bùi Minh H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Buộc chị H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị giải quyết.
- Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Lê Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã Bình Đ, huyện K X, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị H và anh Bùi Văn H1 đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/01/2003 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày, quá trình chị và anh H1 chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù quá trình mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn, chị H và anh H1 trình bày không thống nhất nhưng thực tế từ khoảng cuối năm 2022 đến nay anh chị không chung sống cùng nhau, không cùng thực hiện các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng đối với nhau. Anh H1 trình bày giữa anh và chị H không có mâu thuẫn nhưng anh không đưa ra được phương án khả thi để giải quyết tình trạng sống ly thân giữa anh và chị H, nếu chị H kiên quyết ly hôn anh nhất trí. Như vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị Hằng được ly hôn với anh Hùng.

[3] Về nuôi con chung: anh chị có 02 con chung là Bùi Xuân H2, sinh ngày 06/12/2003 đã trưởng thành và Bùi Minh H3, sinh ngày 20/10/2011. Do con chung Bùi Xuân H2 hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Con chung Bùi Minh H3 đang sống cùng anh Hùng tại thôn T, xã B Định, hiện có cuộc sống ổn định, được phát triển khỏe mạnh, bình thường. Anh H1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu H3 cũng trình bày mong muốn được sống cùng bố sau khi bố mẹ ly hôn. Như vậy, căn cứ vào nguyện vọng của chị H anh H1 và của con chung, nhằm đảm bảo sự ổn định về tâm, sinh lý của cháu H3, cần giao cháu H3 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh H1 yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, đây là yêu cầu chính đáng, cần được chấp nhận. Xét theo nhu cầu thiết yếu của một đứa trẻ hiện nay, cần buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn và là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 21, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271, 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Bùi Văn H1.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Hùng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Minh H3, sinh ngày 20/10/2011 sau khi ly hôn. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi chị H, anh H1 có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Lê Thị H phải chịu 600.000 đồng án phí sơ thẩm gồm 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001804 ngày 10/01/2023 sang thi hành án phí. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H, anh Bùi Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- UBND xã B;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Anh Tuấn